

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/09/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM+CNV+CTK3	7:25	8+4+10	0+0+0		6+0+16	0+0+0	chuyen 2-cnv- ctk3
2		VSP02+BK8+CNV	7:25	16+4+2	0+0+0		15+0+7	0+0+0	
3		AMD+TTC2+TD5	7:25	7+0+15	0+0+0		1+2+19	0+0+0	
4		P10+P9+TD3	7:25	5+5+9	0+0+0		0+1+19	0+0+0	
5		VSP02	9:25	21	0		21	0	
6		BK14+TD5+CLO	9:25	12+5+3	0+0+0		7+9+1	0+0+0	
7		P2+CTK3+BK8	9:25	5+15+0	0+0+0		4+14+4	0+0+0	

TTĐĐSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/đi về trong ngày bk8-4ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/09/2020	TO: MRM - CNV - CTK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - KHOAN - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POLIAKOV IVAN	MRM	87-88	2	14		75	KHOAN	Russian
2	LABUNSKII MIKHAIL	MRM	86	1	5		90	KHOAN	Russian
3	DO DUC HIEU	MRM	85	1	8		57	KHOAN	Vietnamese
4	LE TRUNG SON	MRM	91	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
5	VU ANH HIEU	MRM	92	1	15		60	KHOAN	Vietnamese
6	DONG KY ANH	MRM	93-94	2	20		72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN DUC THANG	MRM	89-90	2	20		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG MANH	CNV	46	1	3	55	60	KH-THAC	Vietnamese
9	DINH VAN SON	CNV	47	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
10	PHUNG VAN KHANH	CNV	45	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN NGOC TRI	CNV					67	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN TAT THANG	CTK3	67-68	2	9	30	65	YTE	Vietnamese
13	NGUYEN DINH HAI	CTK3	63	1	3		65	SAN BAY	Vietnamese
14	HOANG THANH HOA	CTK3	65	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN HOANG SON	CTK3	69	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG XUAN HIEU	CTK3	62	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
17	DO VAN TRI	CTK3	66	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DUC HUNG	CTK3	73	1	7		44	KH-THAC	Vietnamese
19	DINH NHO HOANG	CTK3	60	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN ANH DUC	CTK3	72	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN QUANG CHUONG	CTK3	64	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	7	10	89	500	0	6		CHUYEN 2 PAX TU CNV SANG CTK3 +1 NB VE NGOI GHE PHU
2	CNV	4	3	14	275	55	0	2	
3	CTK3	10	11	50	655	30	16		
TOTAL		21	24	153	1.430	85	22		
WEIGHT KG				153	1.430	85			

GRAND TOAL: 1.668 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: VSP02 - BK8 - CNV	CREW: Thanh - Khang - THỤ	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN QUÂN	VSP02	99	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
2	BODAN KARPENKO	VSP02	97	1	17		92	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN VĂN LINH	VSP02	93	1	6		50	YTE	Vietnamese
4	SERGIENKO SE	VSP02	800	1	12		78	KH-THAC	Russian
5	LÊ NHẬT MINH	VSP02	88	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN HIỆP	VSP02	89	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN MINH TUÂN THỊNH	VSP02	92	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG NGOC ĐÔNG	VSP02	90	1	8	40	70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN LÊ MINH TUÂN	VSP02	96	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG MINH	VSP02	95	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUAN GIANG	VSP02	51	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUAN TRƯỞNG	VSP02	91	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP02	94	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	98	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ SĨ KHÔI	VSP02	50	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ VĂN TOÀN	BK8					65	D-HANH	Vietnamese
18	NGHIÊM XUÂN THẮNG	BK8	36	1	5		68	D-HANH	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG THẮNG	BK8	35	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN DŨNG	BK8				40	65	NIPI	Vietnamese
21	VŨ QUANG HẢI	CNV	81	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN THỊ	CNV	02,05	2	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	16	15	119	1.140	40	15		
2	BK8	4	2	11	268	40	0		
3	CNV	2	3	20	135	0	7		
TOTAL		22	20	150	1.543	80	22		
WEIGHT KG				150	1.543	80			

GRAND TOAL: 1.773 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: AMD - TTC2 - TD5	CREW: Nam - V Linh - Q Trường	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LƯU NGOC TRUNG	AMD	56	1	7		60	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HOÀNG	AMD	59	1	10		76	NHATHAU	Vietnamese
3	TRẦN XUÂN DƯƠNG	AMD	57-58	2	19		70	NHATHAU	Vietnamese
4	TRẦN THANH TÂM	AMD	64	1	9		54	NHATHAU	Vietnamese
5	CAI VĂN THÁI	AMD	62	1	12		74	NHATHAU	Vietnamese
6	BUI VĂN DƯƠNG	AMD	60-61	2	10		58	NHATHAU	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THAO	AMD	63	1	6		59	NHATHAU	Vietnamese
8	NGUYỄN NHƯ Y	TD5					82	KHOAN	Vietnamese
9	LƯU VĂN SƠN	TD5				40	76	KH-THAC	Vietnamese
10	VÕ THẾ HẬU	TD5					71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN NAM (KS)	TD5	84-85	2	19		62	DVL	Vietnamese
12	KRAVTSOV ALEXANDR	TD5	86-87	2	19	45	74	DVL	Russian
13	HỒ HOÀN KIẾM	TD5	41	1	5	20	75	KHOAN	Vietnamese
14	ĐÌNH VĂN SỰ	TD5					82	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ VĂN HIỀN	TD5	43	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
16	VI HÙNG CUÔNG	TD5	36	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY KHANH	TD5	33	1	19		78	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN TUẤN ANH	TD5	37	1	2		71	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN KHOAN-PVD	TD5	40	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
20	HOÀNG NHẬT QUANG	TD5	34-35	2	18		57	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN VINH DUY	TD5	80-81	2	8		68	KHOAN	Vietnamese
22	MAI TRƯỜNG TRUNG	TD5	42	1	6		57	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	7	9	73	451	0	1		
2	TTC2	0	0	0	0	55	2		
3	TD5	15	15	108	1.063	105	19		
TOTAL		22	24	181	1.514	160	22		
WEIGHT KG				181	1.514	160			

GRAND TOAL: 1.855 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	TO: P10 - P9 - TD3	CREW: ĐỨC - MTHAO - Luy	ETA: 09:25
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN MINH QUÂN	P10	17	1	10	20	77	D-HANH	Vietnamese
2	LÊ HỒNG ĐẠI	P10	12	1	7		78	D-HANH	Vietnamese
3	HUYNH XUÂN TRƯƠNG	P10	11,13	2	8		73	D-HANH	Vietnamese
4	KHAIRUL HISHAM B.	P10	16	1	12	20	110	D-HANH	MALI
5	NGUYỄN HỮU NHAN	P10	14	1	5		79	NIPI	Vietnamese
6	NGUYỄN DUY TIỀN	P9	10-11	2	15	22	68	D-HANH	Vietnamese
7	BORIS HUBER	P9	08-09	2	20		105	D-HANH	DEUTSCH
8	TRẦN VĂN TUNG	P9	05	1	5	40	63	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM THANH VINH	P9	06	1	8	42	75	NIPI	Vietnamese
10	VŨ VĂN TRỌNG	P9	07	1	8		70	NIPI	Vietnamese
11	LE VAN VIET	P9	04	1	2		77	PSV	Vietnamese
12	TRẦN HỮU THỌ	TD3	83	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
13	HOÀNG PHẠM NGỌC VŨ	TD3	89	1	3		97	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM HÙNG DƯƠNG	TD3	96	1	4		95	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN MẠNH HÙNG	TD3	20	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HUY THAI	TD3	84	1	20		75	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ LONG PHI	TD3	91	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN THẮNG LỢI	TD3	90	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ TIỀN DŨNG	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM DƯƠNG HAI	TD3	19	1	9		62	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

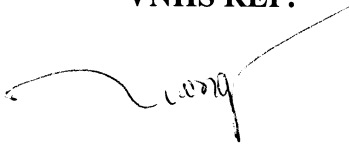
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	5	6	42	417	40	0		
2	P9	6	8	58	458	104	1		
3	TD3	9	8	58	678	0	19		
TOTAL		20	22	158	1.553	144	20		
WEIGHT KG				158	1.553	144			

GRAND TOTAL: 1.855 KGS

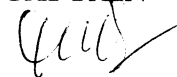
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/09/2020	TO: VSP02	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HUNG - XHOAN - Nnam	ETA: 11:20
TIM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN LUONG HA	VSP02	59	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN GIA KHANH	VSP02	32-33	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN THE CUONG	VSP02	34	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
4	DOAN THANH MAI	VSP02	58	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN HIEP	VSP02	54	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN GIA LONG	VSP02	94	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC CHIEN	VSP02	93	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM HUU DAT	VSP02	56	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	DO DUY HOAN	VSP02	36	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
10	DO VAN PHU	VSP02	38	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
11	LUONG QUANG TUYEN	VSP02	90	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN QUANG	VSP02	91	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN CONG QUAN	VSP02	52	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HUY THONG	VSP02	57	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THE VINH	VSP02	60	1	2		79	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI VAN HUY	VSP02	92	1	8		66	ANTOAN	Vietnamese
17	TRAN NGOC TU	VSP02					80	PSV	Vietnamese
18	VO XUAN TOAN	VSP02	37	1	4		78	PSV	Vietnamese
19	HOANG VAN TRUNG	VSP02	53	1	4		82	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TUAN	VSP02	55	1	5		72	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN HUONG	VSP02	35	1	7		61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

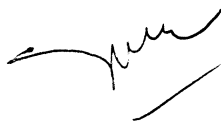
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	21	21	101	1.488	0	21		
	TOTAL	21	21	101	1.488	0	21		
	WEIGHT KG			101	1.488	0			

GRAND TOAL: 1.589 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	TO: BK14 - TD5 - CLO	CREW: Thanh - Khang - THỤ	ETA: 11:25
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH SUNG	BK14	63	1	9	52	72	D-HANH	Vietnamese
2	PHẠM HAI ĐĂNG	BK14	62	1	8		65	D-HANH	Vietnamese
3	AKOPOV	BK14	88	1	11		88	KH-THAC	Russian
4	LÊ ANH TUÂN	BK14	64	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN CỎ	BK14	76	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
6	LƯƠNG TUÂN ANH	BK14	78	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT LONG	BK14	86	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	LY BĂNG	BK14	75	1	13	55	75	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI MINH HAI	BK14	79	1	5	25	67	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN KHÁC THĂNG	BK14	77	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU THANH	BK14	80	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC NINH	BK14	87	1	5		77	PSV	Vietnamese
13	TRẦN HỮU TRUNG	TD5	77	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẠO ĐỨC THĂNG	TD5	76	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI ĐỨC KHANH	TD5					57	PSV	Vietnamese
16	LÊ VIỆT HÙNG	TD5	1000	1	3		65	PSV	Vietnamese
17	VŨ VĂN CHI	TD5	75	1	6		63	PSV	Vietnamese
18	PHẠM QUANG HUY***	TD5	78	1	3		62	PSV	Vietnamese
19	LÀ QUỲ DANH	CLO	01	1	7	40	67	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN HAM HA	CLO	20	1	8		66	DVL	Vietnamese
21	DƯƠNG TRUNG KIÊN	CLO	400	1	9		60	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	12	12	94	848	132	7		
2	TD5	6	5	21	389	0	7		
3	CLO	3	3	24	193	40	1		
TOTAL		21	20	139	1.430	172	15		
WEIGHT KG				139	1.430	172			

GRAND TOAL: 1.741 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	TO: P2 - CTK3 - BK8	CREW: Nam - V Linh - Q Trường	ETA: 13:00
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM NHƯ SÁNG	P2	85-86	2	17	20	72	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH NGỌC	P2	80-81	2	17		90	XAYLAP	Vietnamese
3	TRƯƠNG ĐỨC MẠNH	P2	82-84	3	17		75	XAYLAP	Vietnamese
4	LUONG THẾ HIỂN	P2	42-43	2	13		70	NIPI	Vietnamese
5	THAI ĐOÀN BÌNH	P2	41,44	2	17		78	NIPI	Vietnamese
6	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	74	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	81	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI TIEN DUNG	CTK3	82,85	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÌNH QUANG HOÀN	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO THẾ HÙNG	CTK3	79	1	5	60	70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THIÊN TOÀN	CTK3	75	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÀO TRỌNG HIỆP	CTK3	97-98	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC KIỆM	CTK3	76-77	2	17		92	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	78	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NAM	CTK3	80	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN TRUNG KIẾN	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	86	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ HỮU HÀ	CTK3	88	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG VIỆT HUNG	CTK3	87	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	5	11	81	385	20	4		
2	CTK3	14	15	90	973	60	14		
3	BK8	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		19	26	171	1.358	80	22		
WEIGHT KG				171	1.358	80			

GRAND TOAL: 1.609 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/09/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD+BK5+P1 → 2	7:25	22+0+0	0+0+0		19+0+1	0+0+0	chuyen 2 bk5- p1

TTĐĐSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: AMD - BK5 - P1	CREW: HÙNG - Khang - DTùng	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ANTON VANDER MERWE	AMD	75-76	2	12		95	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG TRUNG KIEN	AMD	98	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
3	HA VAN THUY	AMD	94	1	8	40	75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN HUNG	AMD	89	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRAN QUOC KHANG	AMD	01-02	2	17		68	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM VIET ĐỨC	AMD	77	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HOANG LONG	AMD	90-91	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
8	LE QUANG VIET	AMD	99	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOÀN VĂN DŨNG	AMD	03	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN TRỌNG TUÔNG	AMD	93	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
11	LE BA HOA	AMD	72	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUU LONG	AMD	86	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGO TRI HUNG	AMD	95	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN DUNG	AMD	73-74	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN VAN LE	AMD	71	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LE VAN NIN	AMD	84-85	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
17	HA TUAN DUNG	AMD	78-79	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG DINH HOA	AMD	87-88	2	17		63	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VAN BỘ	AMD	82-83	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG BA ĐỨC	AMD	80-81	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
21	LE VAN HUNG	AMD	96-97	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐINH VĂN SAN	AMD	92	1	10		65	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	32	236	1.561	40	19		CHUYEN 02 PAX TU BK5 SANG P1
2	BK5	0	0	0	0	0	0	2	
3	P1	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	32	236	1.561	40	20		
WEIGHT KG				236	1.561	40			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN